

Bản án số: 13/2018/HSST
Ngày 29/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ban án Mau, đã sửa ký
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Toàn
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
 - + Ông Dương Văn Tuấn
 - + Ông Lê Xuân Chương
- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà :*** Ông Nguyễn Đăng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/HSST ngày 31 tháng 01 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HS ngày 14/3/2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1993, tại Đại Từ, Thái Nguyên Nơi cư trú: Buôn Mí Hoan B, xã IH, huyện PT, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T và bà Đỗ Thị B; Vợ, con: chưa có; tiền án: 01 (*Ngày 14/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt 15 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*); bị bắt tạm giữ sau đó tạm giam từ ngày 21/11/2017 cho đến nay. Có mặt.

- ***Bị hại:*** Anh Ksor H, sinh năm 1995. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Ama Nhon, xã IP, huyện PT, tỉnh Gia Lai.
- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***
 1. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1987. Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Thanh Trang, xã IP, huyện PT, tỉnh Gia Lai.
 2. Anh Trương Gia C, sinh năm 1993. Vắng mặt.
 3. Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1992. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn Sô Ma Rong, xã IP, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.
 4. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Địa chỉ: 263 Trần Hưng Đạo, phường Đoàn Kết, thị xã AP, tỉnh Gia Lai.

5. Anh Ksor L, sinh năm 1999. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Sô Ma Biong, xã CP, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

- *Người phiên dịch tiếng Jarai*: Bà Ksor H' Đ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 9/2017, Nguyễn Ngọc P đem xe mô tô BKS 81D1 088.16 của cha mẹ P đến gặp anh Nguyễn Thanh P (*trú tại thôn Thanh Trang, xã IP, huyện PT*) cầm cố lấy 4.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đầu tháng 10/2017, P đến nhà anh Ksor H (*trú tại thôn Ama Nhon, xã IP, huyện PT*) chơi. Thấy anh Ksor H có xe mô tô BKS 81D1 066.87, P hỏi mượn xe mô tô của anh Ksor H để đem cầm cố thay xe mô tô BKS 81D1 088.16 mà P đã cầm cố trước đó và hẹn 15 ngày sau sẽ lấy xe trả lại cho anh Ksor H. Anh Ksor H đồng ý. Sau đó, P và Ksor H đến gặp anh Thanh P. P cầm cố xe mô tô BKS 81D1 066.87, lấy xe mô tô BKS 81D1 088.16 đưa cho Ksor H đi và lấy thêm số tiền 2.400.000 đồng. Khi cầm cố, P có đưa cho Thanh P 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 81D1 066.87 và 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Ksor H.

Khoảng 06 ngày sau, biết mình không có khả năng trả tiền cầm cố để lấy xe của anh Ksor H ra, P nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của anh Ksor H. P tìm gặp Trương Gia C (*trú tại Buôn Sô Ma Rong, xã IP, huyện PT*) để thỏa thuận bán chiếc xe mô tô BKS 81D1 066.87. P và C đến nhà anh Thanh P xem xe thì C đồng ý mua với giá 8.500.000 đồng. C đưa tiền để trả tiền cầm cố và lấy xe mô tô BKS 81D1 066.87 gồm 6.400.000 đồng tiền gốc và 200.000 đồng tiền lãi. P lấy số tiền 1.900.000 đồng còn lại và tiêu xài cá nhân hết.

Sau đó, C mang xe mô tô BKS 81D1 066.87 bán cho anh Nguyễn Ngọc C (*trú tại: Buôn Sô Ma Rong, xã IP, huyện PT*) với giá 9.300.000 đồng. Khi bán, Ngọc C giữ lại 01 chứng minh nhân dân mang tên Ksor H. Ngọc C sửa chữa lại xe mô tô BKS 81D1 066.87 và đem bán cho anh Nguyễn Thanh H (*trú tại 263 Trần Hưng Đạo, phường Đoàn Kết, thị xã AP, Gia Lai*) với giá 13.800.000 đồng. Sau đó, anh Hải bán chiếc xe trên cho anh Ksor L (*trú tại: Buôn Sô Ma Rong, xã CP, huyện PT*) với giá 14.500.000 đồng.

Quá trình Ksor H sử dụng xe mô tô BKS 81D1 088.16 thì bị ông Nguyễn Xuân T (*cha của P*) phát hiện trình báo Công an xã IP yêu cầu trả xe. Ksor H đã trả xe mô tô BKS 81D1 088.16 cho ông T và làm đơn tố cáo hành vi của P đến Cơ quan điều tra Công an huyện PT.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 26 ngày 29/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện PT xác định: 01 chiếc xe mô tô BKS 81D1 066.87 có giá trị 16.450.000 đồng.

*** Về vật chứng vụ án:** Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 xe mô tô và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe BKS 81D1 066.87; 02 Chứng minh nhân dân mang tên Ksor H và Ksor L.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền thu lợi từ việc cầm cố, mua bán xe mô tô BKS 81D1 066.87 do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện nộp gồm: Nguyễn Thanh P giao nộp 200.000 đồng, Trương Gia C giao nộp 800.000 đồng; Nguyễn Ngọc C giao nộp 2.300.000 đồng và anh Nguyễn Thanh H giao nộp 700.000 đồng. Tổng cộng là 4.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả xe mô tô BKS 81D1 066.87, 01 chứng minh nhân dân mang tên Ksor H cho anh Ksor H và 01 chứng minh nhân dân mang tên Ksor L cho anh Ksor L.

Trao trả số tiền 4.000.000 đồng cho anh Ksor L theo thỏa thuận.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh P, Trương Gia C, Nguyễn Ngọc C và Nguyễn Thanh H đã tự thỏa thuận mỗi người nộp 2.600.000 đồng để khắc phục hậu quả cho cho anh Ksor L là người đã mua xe cuối cùng. Anh Ksor L đã nhận đủ tiền bồi thường nên không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 09/CTr-VKS, ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc P về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 điều 140 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo từ 16 đến 20 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Công nhận sự tự nguyện của bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 8.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Ngọc P có quen biết với Ksor H nên vào khoảng cuối tháng 9/2017, Ksor H có cho P mượn 01 xe mô tô BKS 81D1 066.87 kèm theo giấy tờ đăng ký xe để P cầm cố lấy tiền tiêu xài. Sau khi cầm cố xe của Ksor H, P

xác định không có khả năng lấy lại xe nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Thực hiện ý định trên, P đã thỏa thuận bán xe cho Trương Gia C được 8.500.000 đồng. Cảnh không biết chiếc xe do P bán là tài sản do phạm pháp mà có nên đã mua và bán lại kiếm lời. Qua nhiều lần mua bán tiếp theo, cuối cùng chiếc xe được bán cho anh Ksor L với giá 14.500.000 đồng.

Từ những tình tiết nêu trên, thấy rằng có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc P đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã lợi dụng việc quen biết với người bị hại để chiếm đoạt tài sản một cách bất hợp pháp với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại tài sản của người khác và làm mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã biết thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội đã thực hiện. Do đó, cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích của bản án trước. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét tính chất, mức độ của tội phạm và yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, cần thiết phải xử phạt nghiêm khắc và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội và làm tốt công tác răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, có Trương Gia C, Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Thanh H và Ksor L là những người đã mua chiếc xe mô tô BKS 81D1 066.87. Tuy nhiên, khi mua xe những người này đều không biết là tài sản bị chiếm đoạt mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Đã được những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thỏa thuận xong trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về biện pháp tư pháp: Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 8.500.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo có được từ việc bán xe mô tô của anh Ksor H cho anh Trương Gia C và tiêu xài cá nhân hết. Xét nguyện vọng của bị cáo là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần công nhận.

[4] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT và Kiểm sát viên Cơ quan điều tra Công an huyện PT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc P phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc P **18** (*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 21/11/2017.

2. Về biện pháp tư pháp: Công nhận sự tự nguyện của bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính 8.500.000 (*Tám triệu năm trăm ngàn*) đồng.

3. Về án phí:

- Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

3. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn nói trên để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày trích sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

“*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*”.

Nơi nhận:

- VKSND H. PT;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- CQĐT Công an H. PT;
- CQ THA. HS Công an H. PT;
- Các bị cáo và những người TGTG khác;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn